TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2019/DS-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm - là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Trụ sở: 89 L, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trung N (Theo Văn bản ủy quyền số 17001/2019/VPB AMC PN ngày 17/10/2019) (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Mai H, sinh năm 1961; Địa chỉ: 471/9/13 Phạm Văn B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 28/3/2016, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Đăng Mai H (sau đây gọi tắt là ông H) có ký Hợp đồng tín dụng số 6747573/GDH/HĐTD/PL với nội dung: ông H được vay số tiền 483.000.000

đồng, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, từ ngày 01/7/2016 trở đi lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ông H đã được giải ngân số tiền vay 483.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 6747573/GDH/HĐTD/PL ngày 28/3/2016, số tiền vay gốc và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 28 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Triton, biển số 51C-748.56, số khung KL30GH016510, số máy 4D56UAB9821 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 149571 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/3/2016 cho ông Nguyễn Đăng Mai H, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 6747573/GDH/HĐTCSP/PL ngày 28/3/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán được số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 134.365.992 đồng. Từ ngày 13/6/2017 đến nay, ông H không thanh toán nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông H trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2019 là 607.488.426 đồng gồm: nợ gốc 402.504.000 đồng, nợ lãi 204.984.426 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ.

Trường hợp ông H không trả hoặc chưa trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông H như nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Đăng Mai H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, tống đạt, thông báo, niêm yết, lấy lời khai, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định tư cách tham gia tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, thực hiện các trình tự thủ tục tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Đăng Mai H (sau đây gọi tắt là ông H). Theo Hợp đồng tín dụng số 6747573/GDH/HĐTD/PL ngày 28/3/2016 thể hiện ông H có hộ khẩu thường trú tại 471/9/13 Phạm Văn B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018, người khởi kiện đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn như hợp đồng. Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 68/PYCXM ngày 21/02/2019 thì ông H có đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng không thực tế cư trú, hiện đi đâu không rõ. Như vậy, ông H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về địa chỉ mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự nên trường hợp này cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS), Căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Xét Văn bản ủy quyền số 17001/2019/VPB AMC PN ngày 17/10/2019 là ủy quyền hợp lệ nên ông Trần Trung N có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Nguyễn Đăng Mai H đến Tòa để trình bày ý kiến; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2019 bao gồm nợ gốc 402.504.000 đồng và nợ lãi 204.984.426 đồng của nguyên đơn, thấy:

Hợp đồng tín dụng số 6747573/GDH/HĐTD/PL ngày 28/3/2016, và Khế ước nhận nợ lần 01/Số 6747573/GDH/HĐTD/PL ngày 28/3/2016 có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị

đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở dưới nhiều hình thức nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định tính đến ngày 31/10/2019 bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền nợ gốc 402.504.000 đồng và nợ lãi 204.984.426 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi còn thiếu tổng cộng là 607.488.426 đồng cho nguyên đơn ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả số tiền lãi từ ngày 01/11/2019 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền còn nợ theo quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả và trả không đầy đủ khoản nợ trên, thấy:

Hợp đồng thế chấp ô tô số 6747573/GDH/HĐTCSP/PL ngày 28/3/2016 đã đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 đã phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm nội dung đăng ký được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm nên căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó việc buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 28.299.537 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.698.447 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Buộc ông Nguyễn Đăng Mai H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 31/10/2019 là 607.488.426 (sáu trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi sáu) đồng gồm: nợ gốc 402.504.000 (bốn trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn) đồng, nợ lãi 204.984.426 (hai trăm lẻ bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi sáu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì nguyên đơn xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đăng Mai H bản chính Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 149571 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/3/2016 đối với xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Triton, biển số 51C-748.56, số khung KL30GH016510, số máy 4D56UAB9821.

Đến hạn trả nợ, bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đối với xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, biển số 51C-748.56, số loại Triton, số khung KL30GH016510, số máy 4D56UAB9821 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 149571 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/3/2016.

Bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/11/2019 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6747573/GDH/HĐTD/PL ngày 28/3/2016 trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 28.299.537 (hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.698.447 (mười hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0037803 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ

sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hoàng Mai